

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒA VANG
TP. ĐÀ NẴNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 21/2023/HNGĐ-ST

Ngày 06 tháng 7 năm 2023

"V/v: Ly hôn,
tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thu Thương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tân Nghị

Bà Lê Thị Hoàng Thương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Loan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 37/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2023/QĐXX-ST ngày 30 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1990; Địa chỉ: Tổ 2 thôn A, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1984; Địa chỉ: Tổ 2 thôn A, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/12/2022 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn N kết hôn vào năm 2014, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung tại tổ 2 thôn A, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng. Sau thời gian chung sống được hai năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách và quan điểm sống không hợp, vợ chồng không có tiếng nói chung, ông N thường nhậu say về gây chuyện nên vợ chồng thường xảy ra cãi nhau, ông N không có trách nhiệm với gia đình, mọi việc trong gia đình chỉ một mình bà lo liệu, có lần ông N hành hung, xúc phạm danh dự, nhân phẩm của bà, đập phá tài

sản trong nhà, cuộc sống vợ chồng ngày càng bế tắc, không có hạnh phúc. Hiện tại mâu thuẫn vợ chồng không hòa giải được, tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn N.

Về quan hệ con chung: Bà T xác định vợ chồng có 03 con chung tên là Nguyễn Nữ Ánh Ng, sinh ngày 09/5/2015, Nguyễn Minh N, sinh ngày 05/9/2016 và Nguyễn Minh H, sinh ngày 15/10/2020. Ly hôn, bà T yêu cầu nuôi 03 con, yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ cho đến khi cả 03 con đủ 18 tuổi.

Về tài sản, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Nguyễn Văn N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông N thống nhất với lời khai của bà T về thời gian, địa điểm kết hôn. Quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì trầm trọng, bản thân ông thường đi làm công trình nên tình cảm vợ chồng ngày một phai nhạt, thời gian gần đây ông nghe phong phanh vợ ông có quan hệ ngoài luồng nên ông có chửi vợ qua tin nhắn và cũng đã đánh vợ. Trước đây ông đi làm cũng đưa tiền để lo cho gia đình nhưng một năm gần đây ông hạn chế đưa tiền cho vợ nhưng vẫn có trách nhiệm với con cái. Ông không đồng ý ly hôn vì mong muốn vợ chồng cùng chăm sóc cho các con.

Về quan hệ con chung: Ông N xác định vợ chồng có 03 con chung như bà T trình bày. Ly hôn ông N đồng ý giao 03 con cho bà T nuôi dưỡng, bản thân ông là thợ cơ khí thường làm công trình, thu nhập phụ thuộc vào từng công trình, bình quân tháng từ 8.000.000đ đến 10.000.000đ nhưng có tháng ít việc thì thu nhập chỉ từ 6.000.000đ đến 8.000.000đ nên ông không cấp dưỡng cố định hằng tháng mà tùy khả năng ông sẽ gửi tiền về lo cho con, do đó ông không đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của bà T.

Về tài sản, nợ chung: Ông N xác định không có.

* Tài liệu, chứng cứ của vụ án gồm: 01 Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); 03 giấy khai sinh của các con (bản sao); 01 căn cước công dân và Sổ hộ khẩu của bà T (bản sao); 01 chứng minh nhân dân của ông N (bản sao); Bản tự khai của nguyên đơn, bị đơn, con chung; Biên bản xác minh tại địa phương, bản sao Biên bản sự việc và đơn bãi nại của bà T.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đã chấp hành đúng những quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T, xử cho bà T được ly hôn ông Nguyễn Văn N. Giao 03 con Nguyễn Nữ Ánh Ng, sinh ngày 09/5/2015, Nguyễn Minh N, sinh ngày

05/9/2016 và Nguyễn Minh H, sinh ngày 15/10/2020 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, buộc ông Nguyễn Văn N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn bà T phải chịu theo quy định của pháp luật. Án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con ông N phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và địa chỉ nơi cư trú của bị đơn thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

[2] Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn N xây dựng gia đình với nhau có đăng ký kết hôn vào năm 2014 tại UBND xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Đây là cuộc hôn nhân hội đủ các điều kiện do Luật hôn nhân và gia đình quy định nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình giải quyết vụ án bà T cho rằng trong thời gian chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do quan điểm sống không hợp, vợ chồng không có tiếng nói chung, ông N thường xuyên nhậu say về gây chuyện dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, ông N không có trách nhiệm với gia đình, mọi vấn đề trong gia đình một mình bà lo liệu, có lần còn hành hung, xúc phạm danh dự, nhân phẩm của bà T, cuộc sống vợ chồng ngày càng bế tắc và không có hạnh phúc, hiện tại mâu thuẫn vợ chồng không hòa giải được, tình cảm vợ chồng không còn nên bà T yêu cầu Tòa án cho bà được ly hôn. Theo ông N thì do ông thường đi làm công trình nên tình cảm vợ chồng phai nhạt, gần đây ông thường nhắn tin chửi vợ và có lần đánh vợ là do nghe hàng xóm nói vợ ông có quan hệ ngoài luồng, một năm gần đây ông cũng hạn chế đưa tiền cho vợ, mâu thuẫn của vợ chồng không hòa giải được tuy nhiên ông mong muốn đoàn tụ để cùng lo cho con nên không đồng ý ly hôn. Qua xác minh tại địa phương cho thấy vợ chồng bà T, ông N có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông N nghi ngờ bà T có quan hệ với người khác nên đánh bà T, hiện tại ông N thường xuyên không có mặt tại địa phương, qua xác minh tại công an xã thì ông N đánh bà T thương tích và đập tài sản trong nhà. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T ông N đã trầm trọng, không thể hòa giải, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy HĐXX căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T và xử cho bà T được ly hôn ông Nguyễn Văn N.

[3] Về con chung: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn N có 03 con chung tên là Nguyễn Nữ Ánh Ng, sinh ngày 09/5/2015, Nguyễn Minh N, sinh ngày 05/9/2016 và Nguyễn Minh H, sinh ngày 15/10/2020. Ly hôn, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi 03 con, yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ

cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Xét thấy con Nguyễn Nữ Ánh Ng đã trên 07 tuổi và có nguyện vọng được sống cùng mẹ, hiện tại cả 03 con đang sống cùng bà T, ông N xác định bản thân ông thường xuyên đi làm công trình xa nên nếu ly hôn thì đồng ý giao cả 03 con cho bà T nuôi dưỡng, do đó HĐXX giao 03 con cho bà T được trực tiếp nuôi dưỡng là có cơ sở. Xét thấy, ông N không tự nguyện cấp dưỡng nhưng công việc hiện tại của bà T không ổn định, trong khi đó thu nhập hàng tháng của ông N dao động hàng tháng từ 6.000.000đ cho đến 10.000.000đ nên HĐXX buộc ông Nguyễn Văn N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn N xác định không có nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn bà Nguyễn Thị T phải chịu là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*). Án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con ông Nguyễn Văn N phải chịu là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*).

[6] Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang đối với việc giải quyết vụ án phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T đối với ông Nguyễn Văn N về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*". Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T được ly hôn ông Nguyễn Văn N.

Về con chung: Giao 03 con Nguyễn Nữ Ánh Ng, sinh ngày 09/5/2015, Nguyễn Minh N, sinh ngày 05/9/2016 và Nguyễn Minh H, sinh ngày 15/10/2020 cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, ông Nguyễn Văn N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Các bên đương sự có các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

Án phí Dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) bà Nguyễn Thị T phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) bà T đã nộp tại biên lai thu số 0009197 ngày 20/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng, bà Nguyễn Thị T đã nộp đủ án phí.

Án phí Dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con ông Nguyễn Văn N phải chịu là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*).

Án xử công khai, báo cho nguyên đơn, bị đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 16/6/2023.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
 - VKSND huyện Hòa Vang;
 - Chi cục THADS huyện Hòa Vang;
 - UBND xã H;
- (GCNKH số 64/2014)
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Huỳnh Thị Thu Thương

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

**Thành viên Hội đồng xét xử
tòa**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *VKSND huyện Hòa Vang;*
- *Chi cục THADS huyện Hòa Vang;*
- *UBND xã Điện Thắng Trung, tx. Điện Bàn, QN;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Anh Tuấn